FireAnt

CTCP Đầu tư phát triển Sài Gòn 3 Group (UPCOM: SGI)

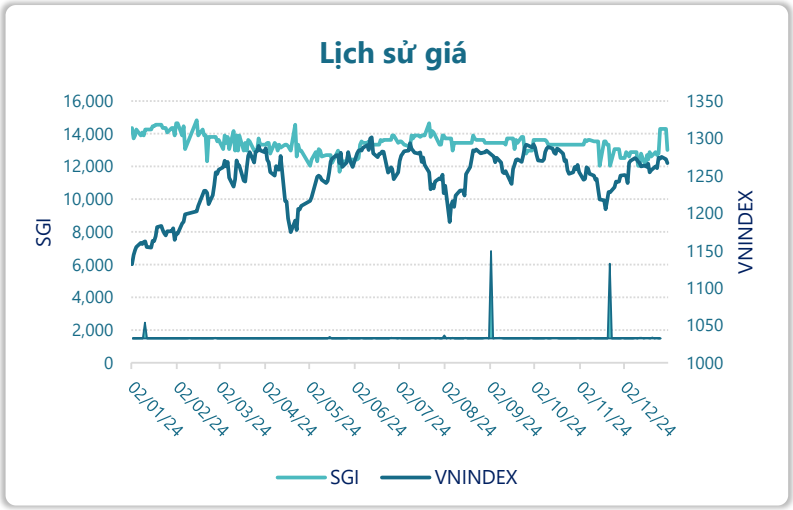

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,824
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,674
SL cổ phiếu LH	75,464,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,325
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	981
P/E	144.2
EPS	90

DT thuần

Q4/24

602

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 235| 63.9%

YoY: ▲ 255| 73.4%

LN sau thuế

Q4/24

26.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.50| 10.4%

YoY: ▼14.4| -35.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.4%

+/- YoY: ▼ 17.0%

DT thuần

2024

1,569

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 282| 21.9%

LN sau thuế

2024

0.43

tỷ VNĐ

YoY: ▼166| -99.7%

ROE

2024

0.2%

+/- YoY: ▼ 4.0%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

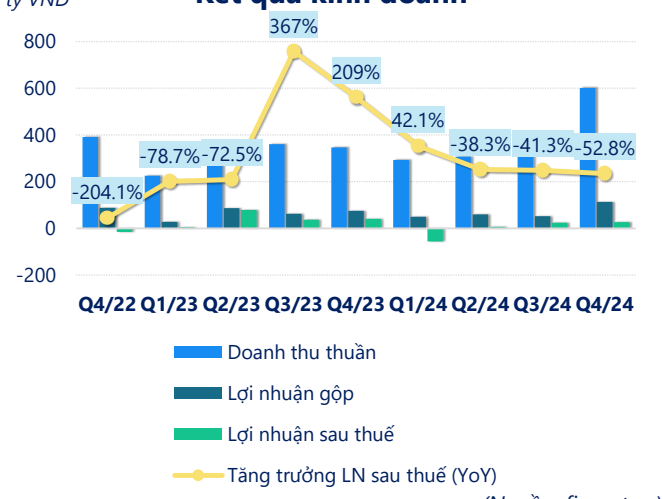

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

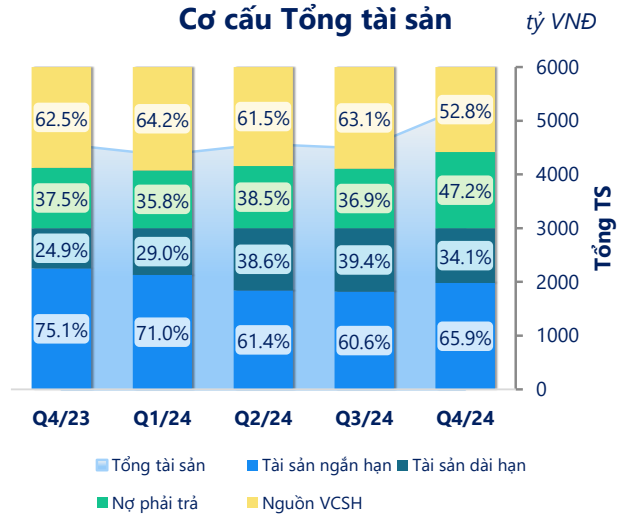

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

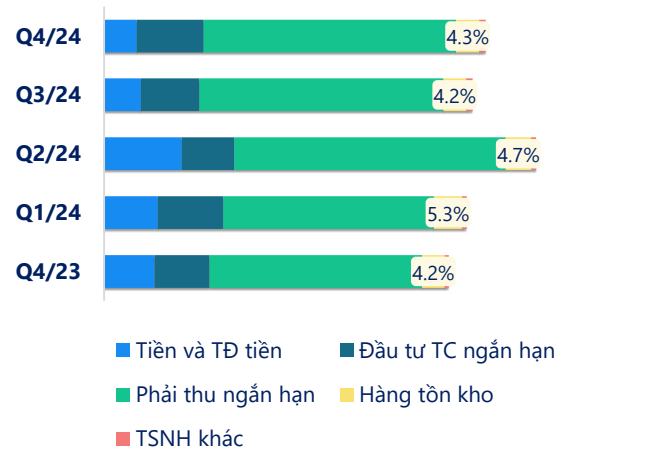

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

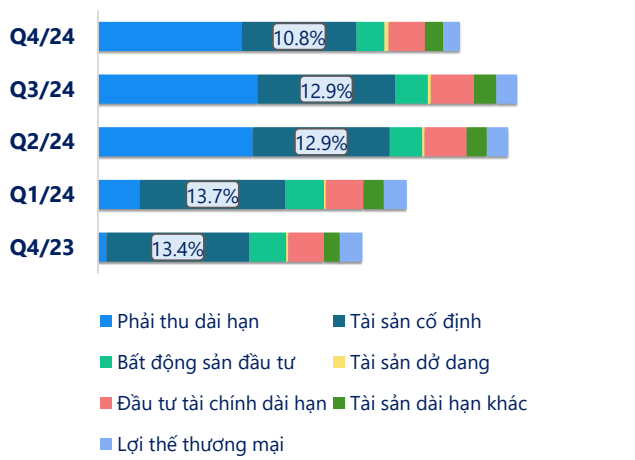

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

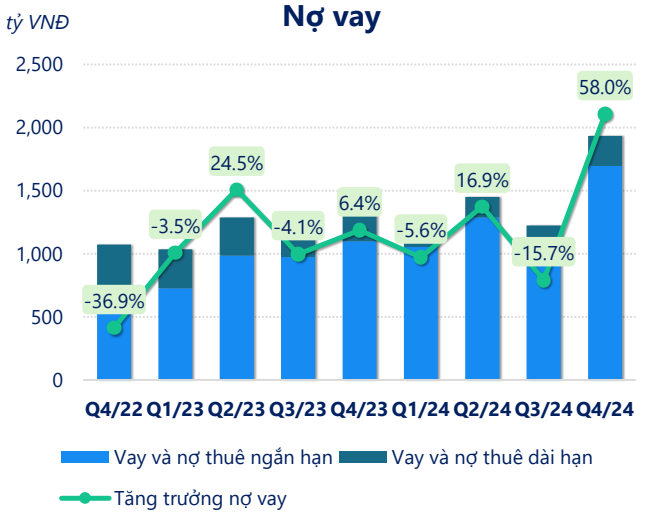

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

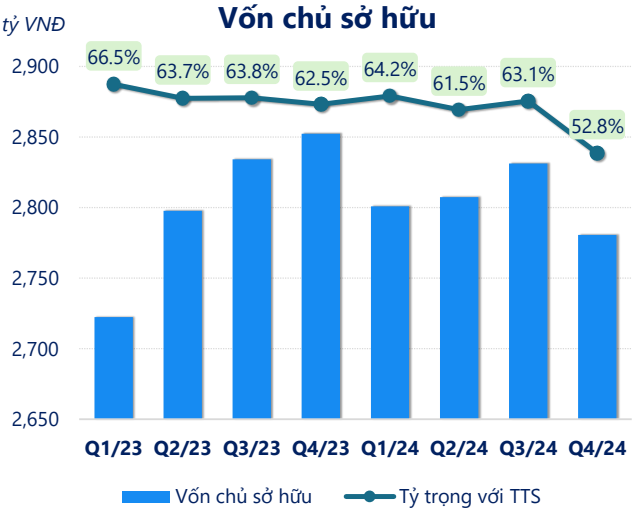

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

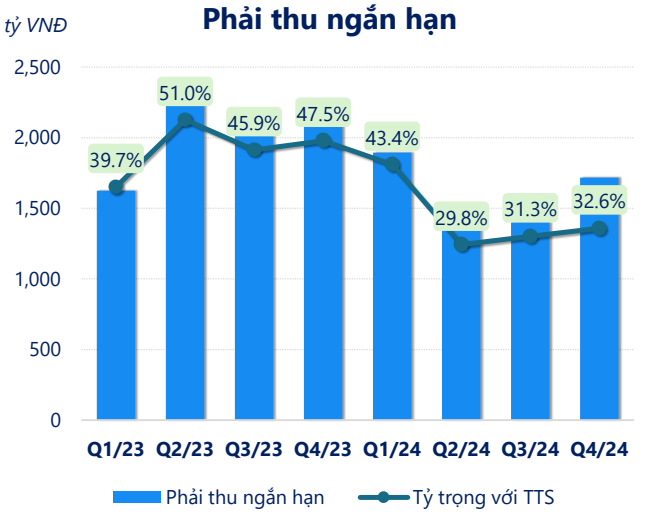

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

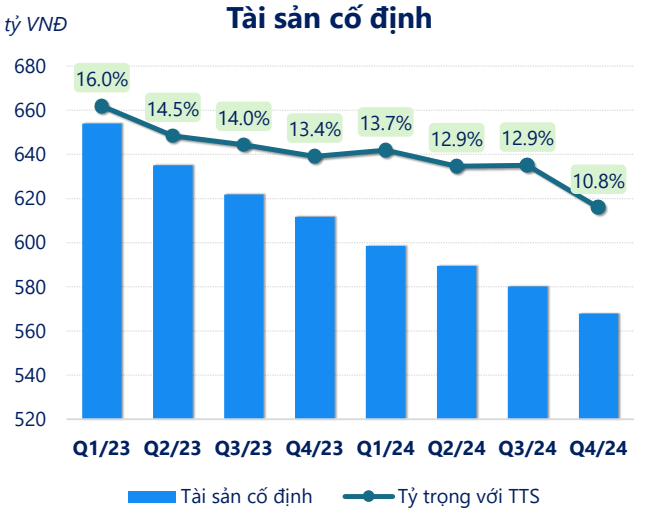

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

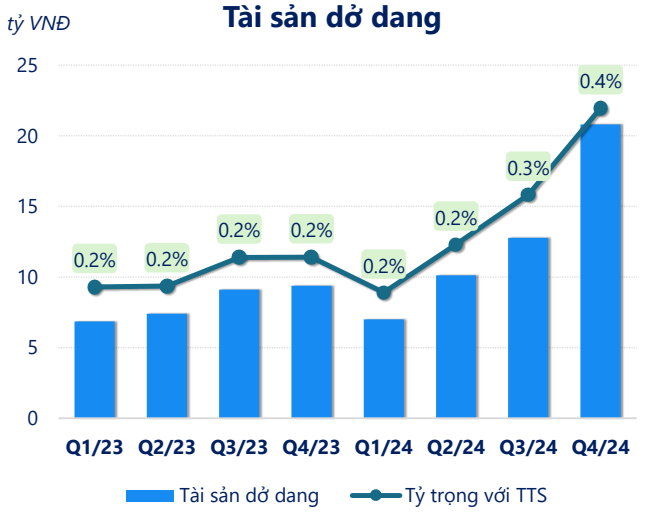

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

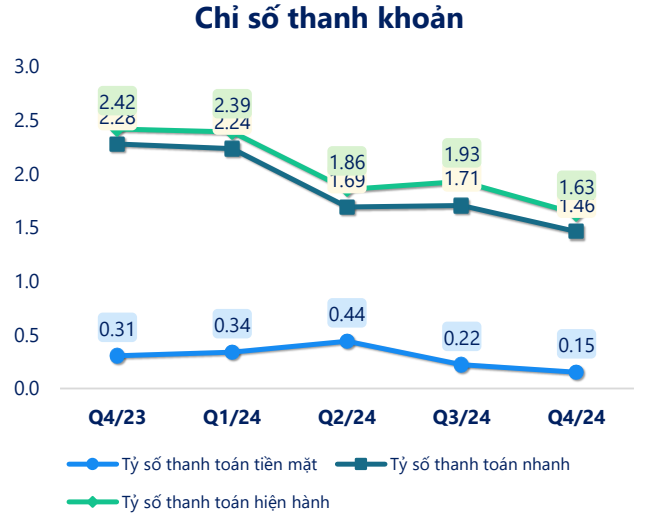

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

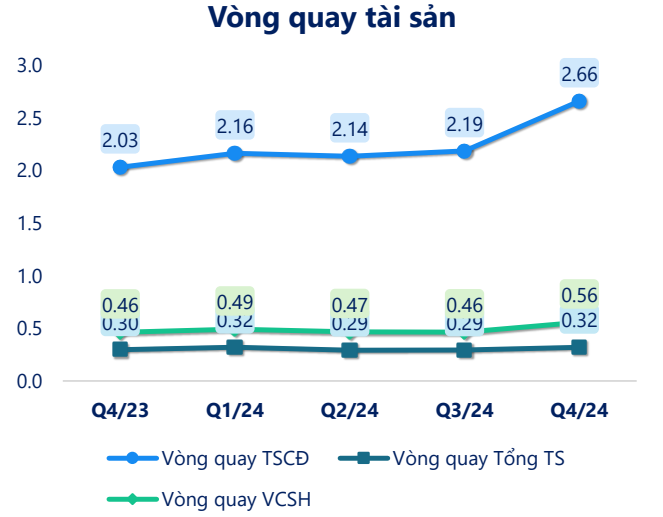

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**4,566**	**4,365**	**4,568**	**4,483**	**5,264**
Tài sản ngắn hạn	**3,430**	**3,098**	**2,806**	**2,716**	**3,471**
Tiền và tương đương tiền	433	440	666	311	323
Đầu tư tài chính ngắn hạn	575	510	484	639	1,030
Phải thu ngắn hạn	2,169	1,895	1,363	1,401	1,716
Hàng tồn kho	198	198	250	316	356
Tài sản ngắn hạn khác	55.9	54.3	43.6	48.8	47.2
Tài sản dài hạn	**1,136**	**1,267**	**1,762**	**1,767**	**1,793**
Phải thu dài hạn	36.3	171	664	672	712
Tài sản cố định	612	599	590	580	568
Bất động sản đầu tư	160	159	140	139	138
Tài sản dở dang	9.38	7.00	10.1	12.8	20.8
Đầu tư tài chính dài hạn	153	153	179	181	180
Tài sản dài hạn khác	68.3	84.4	88.0	94.8	89.4
Lợi thế thương mại	97.2	94.0	90.8	87.6	84.3
Nợ phải trả	**1,714**	**1,564**	**1,761**	**1,652**	**2,484**
Nợ ngắn hạn	**1,419**	**1,297**	**1,512**	**1,407**	**2,131**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,099	1,053	1,288	1,068	1,695
Phải trả người bán ngắn hạn	111	86.9	64.3	157	166
Nợ dài hạn	295	267	248	245	352
Vay và nợ thuê dài hạn	216	187	163	155	238
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,852**	**2,801**	**2,807**	**2,831**	**2,781**
Vốn chủ sở hữu	**2,852**	**2,801**	**2,807**	**2,831**	**2,781**
Vốn điều lệ	755	755	755	755	755
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)